

QUYẾT ĐỊNH
**Về tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển
khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định điều kiện thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09 tháng 03 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1735/SKHCN-VP ngày 28 tháng 8 năm 2017; của Sở Tư pháp tại Công văn số 6787/STP-VB ngày 19 tháng 7 năm 2017 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3698/TTr-SNV ngày 15 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay tổ chức lại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại để hoạt động theo Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan;

Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Trụ sở của Quỹ đặt tại số 244 Điện Biên Phủ, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2017 và thay thế Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Điều lệ về tổ chức, hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Nội vụ (3b);
- Công an thành phố;
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, (VX/Đn) An. *M5*.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Lê Thanh Liêm

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển
khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2017/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại để hoạt động theo Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Ho Chi Minh City Foundation for Science and Technology Development, viết tắt là HCM-FOSTED.

3. Trụ sở của Quỹ đặt tại địa chỉ số 244 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tính chất và mục đích hoạt động

1. Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

2. Quỹ thực hiện các hoạt động cấp kinh phí, tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu có triển vọng thành sản phẩm thương mại; chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 3. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 200 (hai trăm) tỷ đồng, trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước là 180 tỷ đồng đã bao gồm 50 tỷ đồng vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại (Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và

Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh) và kinh phí hỗ trợ, đóng góp từ bên ngoài là 20 tỷ đồng để thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp bổ sung hàng năm thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho thành phố, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố do thành phố trực tiếp quản lý và chi hoạt động quản lý của Quỹ;

c) Các nguồn ngân sách hợp pháp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Các nguồn vốn khác

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có);

b) Các nguồn nhận ủy thác của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc của tỉnh, thành phố;

c) Kinh phí được điều chuyển từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước do thành phố trực tiếp quản lý;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước;

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

1. Đối tượng cấp kinh phí

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho thành phố trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.

2. Đối tượng tài trợ

Một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, bao gồm:

a) Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng, chương trình phát triển khoa học công nghệ trọng điểm của thành phố;

b) Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, các dự án sản xuất thử nghiệm, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của thành phố;

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

3. Đối tượng cho vay

Các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; ứng dụng, phát triển công nghệ mới⁽¹⁾, đổi mới công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, gồm:

a) Các dự án nhằm mục đích thương mại hóa các sản phẩm đã được cấp bằng phát minh sáng chế; các công trình nghiên cứu khoa học đoạt giải thưởng tại các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố và Quốc gia;

b) Các dự án sản xuất nhằm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu có triển vọng, hiệu quả kinh tế thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu của các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp;

c) Các dự án nhằm mục đích thương mại hóa sản phẩm đã qua sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ chế tạo thiết bị tiên tiến thay thế nhập khẩu;

d) Các dự án ứng dụng, phát triển công nghệ mới; các dự án nhận chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm mới có năng suất, chất lượng cao hơn.

4. Đối tượng hỗ trợ

Hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

a) Hoạt động công bố công trình khoa học do thành phố tài trợ trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có uy tín;

b) Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế là kết quả của các đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học do thành phố tài trợ và của doanh nghiệp, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu trên địa bàn thành phố;

c) Hỗ trợ các nhà khoa học trẻ (không quá 35 tuổi) của thành phố tham gia hội thảo khoa học quốc tế, có báo cáo được chấp nhận trình bày tại hội thảo khoa học quốc tế; nhà khoa học của thành phố tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành;

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại thành phố và mời chuyên gia nước ngoài báo cáo tại các hội nghị, hội thảo hoặc tham gia tập huấn, giảng dạy, nghiên cứu thuộc các lĩnh vực trọng điểm mà thành phố quan tâm;

⁽¹⁾ Theo Điều 3 Luật Chuyển giao công nghệ, công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam

đ) Thực tập nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện;

e) Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ;

g) Các nội dung hỗ trợ khác để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các Chương trình, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

5. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 5. Hoạt động cấp kinh phí

1. Quỹ cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho thành phố trực tiếp quản lý, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trực tiếp quản lý;

2. Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng;

3. Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định hiện hành.

4. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 6. Hoạt động tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh

1. Nguyên tắc chung

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đề xuất hỗ trợ được xét chọn công khai, minh bạch, dân chủ, bình đẳng. Quỹ tổ chức các Hội đồng khoa học công nghệ để tư vấn, đánh giá xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

b) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện đúng theo các quy định hiện hành về việc xét chọn, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định cụ thể về định mức tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

a) Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ để Quỹ tài trợ, cho vay vốn, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức và cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ hoặc được Quỹ bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp với loại hình đề nghị hỗ trợ.

d) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

3. Hoạt động tài trợ, hỗ trợ

a) Việc tài trợ, hỗ trợ phải được thực hiện đúng đối tượng được quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 4 Điều lệ này.

b) Vốn tài trợ, hỗ trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện.

4. Hoạt động cho vay

a) Lãi suất vay

Quỹ cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc không lấy lãi đối với các dự án khoa học và công nghệ như sau:

- Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

- Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao; dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước;

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

- Đối với trường hợp cho vay với lãi suất ưu đãi được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, chương trình khoa học công nghệ, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thoả thuận giữa Quỹ và tổ chức, cá nhân tài trợ;

- Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

b) Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

- Tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Điều lệ này;

- Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

- Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

c) Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Mức cho vay của mỗi dự án tối đa 70% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10 tỷ đồng.

d) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 60 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

đ) Bảo đảm tiền vay

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế bảo lãnh tín chấp, việc bảo lãnh phải do cơ quan chủ quản cấp trên đơn vị đó bảo đảm;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

e) Hàng năm, Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo các quy định của pháp luật.

g) Quỹ tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức lãi suất vay đối với từng thời kỳ.

5. Hoạt động bảo lãnh

a) Điều kiện để chủ dự án được bảo lãnh vốn vay:

- Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ;

- Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ chấp thuận;

- Có tài sản đảm bảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

b) Mức bảo lãnh và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh không vượt quá mức vốn vay.

c) Thời hạn bảo lãnh vốn vay được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án nhưng không vượt quá 60 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

d) Chủ dự án được bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

6. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này do Quỹ thực hiện thông qua hình thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng.

Điều 7. Sử dụng vốn hoạt động

1. Cấp kinh phí cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 4 và Khoản 1 Điều 5 của Điều lệ này.

2. Tài trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này.

3. Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ hoặc cho vay không lấy lãi để thực hiện dự án quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Điều lệ này

4. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

5. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

6. Chi lương và hoạt động bộ máy của Quỹ, hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các chi phí này được thực hiện theo các quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận và nhận ủy thác các nguồn vốn của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; huy động các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động cho vay và bảo lãnh vốn vay.

4. Xây dựng và gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Quỹ.

5. Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu, thể thức cụ thể để đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực thích hợp đề nghị Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

6. Tổ chức việc xét chọn và thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực để Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

7. Kiểm tra, đánh giá về nội dung chuyên môn và tình hình thực hiện tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực do Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay. Kiểm tra tài chính các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ cấp kinh phí.

8. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, cho vay. Đánh giá kết quả các nhiệm vụ, hoạt động nâng cao năng lực mà Quỹ cho vay, bảo lãnh và hỗ trợ.

9. Đình chỉ hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay hoặc thu hồi kinh phí đã cấp, kinh phí tài trợ, cho vay và hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

11. Quản lý tổ chức bộ máy và lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

12. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

13. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan quản lý theo quy định.

14. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật.

15. Chấp hành các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

16. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ hoặc ủy thác cho Quỹ tài trợ, cho vay để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan Điều hành Quỹ và Ban kiểm soát.

2. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 10. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 07 thành viên, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo của Sở Tài chính.
- c) Các thành viên là các nhà quản lý, nhà khoa học.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm và các thành viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý Quỹ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Các thành viên của Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào trong bộ máy tổ chức hoạt động của Quỹ.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không trung thực khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức;
- b) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;
- c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- d) Chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố;

2. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

3. Ban hành các văn bản quy định về hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Hội đồng khoa học và công nghệ; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

4. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

5. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ đề tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

6. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ;

7. Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này;

8. Kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

9. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

10. Các thành viên trong Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc Giám đốc Quỹ, hoặc Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị;

2. Đối với các vấn đề cần quyết định giữa các phiên họp, Cơ quan điều hành Quỹ gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng;

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là họp lệ khi ít nhất có 2/3 số thành viên có mặt và phải do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo đa số trên tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung và các kết luận của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư, khoa học và công nghệ, pháp luật, không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm;

b) Thành viên của Ban Kiểm soát gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 01 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ;

b) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ việc Cơ quan điều hành Quỹ chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;

d) Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ;

đ) Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ ủy quyền có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền khác theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 14. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban nghiệp vụ. Trong đó:

- Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ; đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp liên quan đến hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định; Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 5 năm;

- Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, theo nhiệm kỳ 5 năm;

- Các phòng chức năng gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Tài chính và các phòng nghiệp vụ;

- Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng chức năng do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm.

2. Cơ quan điều hành Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách. Các vị trí nhân sự của Cơ quan điều hành Quỹ được tuyển dụng, điều động trên cơ sở điều tiết trong phạm vi tổng số lượng người làm việc hiện có của Sở Khoa học và Công nghệ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật;

c) Hàng năm, tham mưu cho Hội đồng Quản lý Quỹ trình Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bố trí nguồn vốn bổ sung cho Quỹ từ ngân sách của thành phố;

d) Chủ trì xây dựng quy định về hoạt động trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét:

- Quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

- Các văn bản khác theo quy định.

đ) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và tổ chức các hội nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Hội đồng khoa học và công nghệ. Được tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận nhưng không được biểu quyết;

e) Tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

g) Trình quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng ban nghiệp vụ và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ;

i) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;

k) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật;

l) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

m) Trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

n) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

5. Kinh phí hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 15. Hội đồng Khoa học và Công nghệ

1. Hội đồng Khoa học và Công nghệ có 05 hoặc 07 thành viên do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn đánh giá xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với hoạt động tài trợ, cho vay; xác định hướng nghiên cứu và các vấn đề có liên quan khác.

Thành viên của Hội đồng Khoa học và Công nghệ phải là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn cao về khoa học và công nghệ, tài chính và có kinh nghiệm phù hợp.

2. Hội đồng Khoa học và Công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật theo quy định về hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan. Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý của đơn vị, của dự án đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ và đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

4. Định kỳ hàng quý và hàng năm, gửi cho Quỹ báo cáo tiến độ, nội dung thực hiện cũng như việc sử dụng tiền tài trợ, hỗ trợ, cho vay theo yêu cầu của Quỹ.

5. Trả nợ gốc và lãi vay hoặc phí quản lý (đối với trường hợp cho vay không lãi suất) đúng hạn theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ những thoả thuận về việc sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ, vốn vay, việc trả nợ vay đã cam kết trong hợp đồng.

Điều 17. Xử lý rủi ro

1. Chấm dứt việc cho vay, tài trợ, hỗ trợ, từ chối thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh trong các trường hợp sau:

a) Các tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay, kinh phí tài trợ, hỗ trợ sai mục đích; cung cấp thông tin sai sự thật; vi phạm Hợp đồng tín dụng; vi phạm các quy định của Quy chế cho vay, tài trợ, hỗ trợ, bảo lãnh của Quỹ.

b) Thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

2. Xem xét chấm dứt tài trợ, giảm hoặc xóa vốn vay, điều chỉnh lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay trong trường hợp đối tượng được Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (chủ đầu tư bị phá sản, bị chết hoặc mất tích, dự án đầu tư bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt, hoả hoạn...) dẫn đến không tiếp tục thực hiện hoặc không đảm bảo hoàn trả vốn vay.

Điều 18. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định xử lý rủi ro đối với các trường hợp miễn, giảm lãi cho vay đối với các dự án; quyết định gia hạn thời hạn cho vay của các dự án trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều hành Quỹ, nhưng tổng thời gian cho vay sau khi gia hạn không được vượt quá 1/2 thời gian cho vay tối đa đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng của từng dự án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xóa nợ gốc cho vay đối với dự án trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Chương III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 19. Chế độ tài chính kế toán

1. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật

3. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

4. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi đối với hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và hoạt động quản lý Quỹ báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

5. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, kiểm tra theo quy định.

6. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

7. Chi hoạt động quản lý Quỹ được sử dụng cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 20. Về quản lý tài sản

1. Đầu tư, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả. Khi thanh lý, nhượng bán tài sản, Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản của Quỹ, Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

a) Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

4. Quỹ thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 21. Nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ

1. Thu từ nguồn kinh phí được ngân sách cấp hàng năm cho hoạt động quản lý và điều hành Quỹ.

2. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:

a) Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn của Quỹ;

b) Thu từ các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ;

c) Thu phí quản lý đối với những dự án cho vay không lãi suất.

d) Thu phí ủy thác; và thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

3. Thu nhập từ hoạt động tài chính:

- a) Thu lãi tiền gửi;
- b) Các khoản thu từ dịch vụ tài chính khác.

4. Thu nhập từ hoạt động khác:

- a) Các khoản thu phạt;
- b) Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);
- c) Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi đơn vị, cá nhân chủ trì dự án không trả được nợ; tài sản hình thành từ vốn ngoài ngân sách và vốn khác của Quỹ;
- d) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được; và các khoản thu nhập khác.

Điều 22. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi cần thiết cho các hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, bao gồm:

1. Các khoản chi thường xuyên:

a) Tiền lương, các khoản có tính chất lương, các khoản trích theo lương, chi nghiệp vụ, đoàn ra, đoàn vào và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên Tài sản cố định, thuê tài sản, mua sắm công cụ lao động, chi dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm và các khoản chi thường xuyên khác theo chế độ quy định.

b) Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Hội đồng thẩm định.

c) Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chi mua tài liệu, tư liệu, thông tin tuyên truyền, quảng bá, xây dựng và duy trì trang web phục vụ cho các hoạt động của Quỹ.

đ) Chi phí tuyển chọn, xét chọn, thẩm định đề tài, dự án và các nhiệm vụ khác được tài trợ, cho vay.

e) Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu đề tài, dự án, chương trình được tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh.

g) Chi phí thu hồi nợ, lãi vay từ nguồn vốn của Quỹ.

h) Chi thuê địa điểm, văn phòng (nếu có).

i) Chi mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

k) Trích khấu hao tài sản cố định.

l) Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư.

m) Chi về thuế, phí, lệ phí phát sinh theo quy định pháp luật hiện hành.

n) Chi phí thường xuyên khác.

2. Các khoản chi không thường xuyên của hoạt động bộ máy, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi không thường xuyên khác.

3. Định mức chi được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp. Trường hợp pháp luật chưa quy định thì áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để đảm bảo chi tiêu phù hợp; hiệu quả.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày quyết định phê duyệt có hiệu lực.

Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh bổ sung Điều lệ cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Lê Thanh Liêm